TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** TỈNH L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: **143/**2022/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 23 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 210/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Hà Thị Cẩm G**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 10, xã L, huyện B, tỉnh L.

Bị đơn: anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 15, thị trấn L, huyện B, tỉnh L

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Hà Thị Cẩm G và anh Nguyễn Văn C

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị Cẩm G và anh Nguyễn Văn C thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: chị Hà Thị Cẩm G và anh Nguyễn Văn C thỏa thuận: Giao con chung là Nguyễn Hà Bảo A cho chị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 08/2022

"Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình".

"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự".

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Về án phí: chị Hà Thị Cẩm G tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị G đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009463 ngày 28/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Chị Hà Thị Cẩm G được nhận lại số tiền 150.000 đồng. Anh Nguyễn Văn C tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh L;*
- *VKSND tỉnh L;*
- *VKSND huyện B;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *UBND thị trấn L, huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trần Văn Biên